TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HS-ST
Ngày: 24/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lâm và bà Cái Diệu Trang.
***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trọng Thọ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 09/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2026/QĐXXST-HS ngày 05/3/2026, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn N**; sinh ngày 16 tháng 7 năm 1994 tại thành phố H; Căn cước công dân số: 046094001657 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 27/4/2021; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (Ngày 27/12/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2021/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022 nhưng chưa chấp hành phần bồi thường dân sự trong vụ án); tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2025 cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Tá L1**; tên gọi khác: G; sinh ngày 29 tháng 10 năm 1986 tại thành phố H; Căn cước công dân số: 046086007020 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn H, xã K, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tá P, sinh năm 1960 và bà Lê Thị T, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị Hoài C, sinh năm 1986; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 06/01/2023, bị công an huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền do đã có hành vi khai thác khoáng sản trái phép (Quyết định số 07/QĐ, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/01/2023).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2025 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tá L1*: Bà Đỗ Thị Thanh H1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

+ Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố H (ông B đồng thời là người làm chứng trong vụ án); có mặt.

+ Ông Nguyễn Tá D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã K, thành phố H; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hoài C; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã K, thành phố H; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phan Văn T1; sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, thành phố H; có mặt.

+ Bà Đặng Thị P1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố H; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 25 phút ngày 29/7/2025, sau khi làm việc tại Công ty TNHH R ở thôn P, xã K, thành phố H xong thì Phạm Văn N nhờ Nguyễn Công B (làm nghề shipper và chạy xe ôm) chở N đến nhà Nguyễn Tá L1 tại thôn H, xã K, thành phố H. Sau khi chở N đến nhà L1, Nguyễn Công B ở lại nhà L1 một lúc rồi ra về trước. Lúc này, N đi vào phòng khách gọi L1, rồi cả hai cùng đi ra ngồi ở bàn uống nước ở mái hiên phía trước. Tại đây N nói với L1 "em có mấy hột hồng đây ngồi chơi tý cho vui" (tức ma túy loại "Hồng phiến"), L1 đồng ý. Sau đó, N chế tạo bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bằng cách lấy một vỏ chai nước uống bằng nhựa có sẵn tại nhà L1, dùng lửa châm thủng lỗ trên thân chai, đổ nước vào chai, sau đó quấn tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng cắm vào lỗ thủng trên thân chai. Tiếp đó, N nói L1 đi tìm bật lửa để sử dụng ma túy. L1 vào khu vực bên trong nhà lấy 01 chiếc bật lửa dạng khò hình trụ tròn màu trắng trong rồi đưa cho N. N bỏ ra bàn 07 viên ma túy loại "Hồng phiến", xé mảnh giấy bạc từ gói thuốc lá SAIGON và lấy 02 viên "Hồng phiến" bỏ lên tờ giấy bạc và dùng bật lửa để đốt phía dưới mảnh giấy bạc để 02 viên "Hồng phiến" phía trên cháy tạo ra khói, Nam ngậm miệng vào miệng chai nước để hút chất ma túy vào cơ thể mình. Sau khi N bỏ chai nước (nỏ) xuống bàn thì L1 cầm chai nước (nỏ) lên ngậm vào miệng chai còn N tiếp tục dùng bật lửa đốt phía dưới mảnh giấy bạc để L1 hút chất ma túy vào cơ thể mình.

Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi N và L1 đang sử dụng chất ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phối hợp với Công an xã K, thành phố H bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan.

Qua xét nghiệm nhanh chất ma túy có trong cơ thể của Phạm Văn N, Nguyễn Tá L1 ngày 29/7/2025 đều có kết quả dương tính với chất ma túy.

* Vật chứng thu giữ:

- 05 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ chứa trong túi ni lông màu trắng; 01 chai nhựa; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu trắng trong; 01 mảnh giấy bạc; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SAIGON;

- 01 cục sạc dự phòng tích hợp đèn chiếu sáng có dòng chữ FAST CHARGE 120W 2000mAh (thu giữ khi bắt quả tang).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 352021090934414 bên trong có gắn thẻ sim số 0942712749; 01 chiếc quần Jean màu đen đã qua sử dụng;

- 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), số seri: CI 21985492; 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), số seri: RT 20855861 (thu giữ của bị cáo Phạm Văn N).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, số Imei: 352064329892103 bên trong có gắn thẻ sim số 0888259559; 01 thẻ nhớ SanDisk Ultra 64GB micro SDXC 1 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Tá L1).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A92, số Imei 1: 862251056972470; số Imei 2: 862251056972462; 01 mũ bảo hiểm xốp dành cho người đi xe đạp (thu giữ của đối tượng Nguyễn Công B).

Tại bản Kết luận giám định số 501/KL-KTHS ngày 04/08/2025 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: 05 (năm) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định có tổng khối lượng 0,4920g là ma túy, loại Methamphetamine; Không tìm thấy chất ma túy trong chai nhựa có gắn tờ tiền, bật lửa gas màu đỏ, bật lửa gas màu trắng, mảnh giấy màu bạc và vỏ bao thuốc lá Sai Gon gửi giám định.

H2 lại đối tượng giám định gồm: 0,3420gam mẫu bột được nghiền từ 05 viên nén có hình trụ tròn màu đỏ; 01 chai nhựa; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu trắng; 01 mãnh giấy bạc; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu S.

Tại các bản kết luận giám định hóa pháp số 1690, 1691 ngày 06/8/2025 của V kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu máu của Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1.

Tại bản Kết luận giám định số 608/KL-KTHS ngày 22/09/2025 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung về hình ảnh ở 14 (mười bốn) tệp video theo yêu cầu (video thu được từ thẻ nhớ gắn tại Camera nhà bị cáo Nguyễn Tá L1).

Tại bản Kết luận giám định số 2119/KL-KTHS ngày 19/11/2025 của Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Mặt trong túi ni lông cần giám định có DNA của một nam giới khác, không phải của Nguyễn Công

B. Mặt ngoài túi ni lông cần giám định có DNA lẫn của nhiều người, không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng.

Tại bản Kết luận giám định số 2172/KL-KTHS ngày 05/12/2025 của Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong tệp video mẫu cần giám định.

Do tệp video mẫu cần giám định có chất lượng kém nên không đủ cơ sở kết luận tiếng nói của Nguyễn Công B trong mẫu so sánh có trong mẫu giám định và không dịch nội dung cuộc hội thoại thành văn bản.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKSKV4 ngày 08 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H truy tố các bị cáo Pham Văn N1 và Nguyễn Tá L1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự, các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tá L1 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với: 0,3420gam mẫu bột được nghiền từ 05 viên nén có hình trụ tròn màu đỏ còn lại sau giám định cùng với các vật dụng bao gói, niêm phong; 01 chai nhựa; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu trắng trong; 01 mảnh giấy bạc; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Saigon; 01 chiếc quần Jean màu đen đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 cục sạc dự phòng tích hợp đèn chiếu sáng có dòng chữ FAST CHARGE 120W 2000mAh; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 352021090934414 bên trong có gắn thẻ sim số 0942712749 (thu giữ của bị cáo Phạm Văn N).

+ Trả lại 01 mũ bảo hiểm xốp, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A92, số Imei 1: 862251056972470; số Imei 2: 862251056972462 cho Nguyễn Công B.

+ Trả lại 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng, số seri: CI 21985492; 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng, số seri: RT 20855861 cho bị cáo Phạm Văn N nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án về án phí.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, số Imei: 352064329892103 bên trong có gắn thẻ sim số 0888259559 và 01 thẻ nhớ SanDisk Ultra 64GB micro SDXC 1 cho bị cáo Nguyễn Tá L1.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 phải chịu án

phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tá L1 trình bày: Thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Tá L1 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị, về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, áp dụng mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Tá L1, các nội dung khác thống nhất như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp pháp.

[2]Xét hành vi của các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 thấy rằng: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 25 phút ngày 29/7/2025, tại nơi ở của Nguyễn Tá L1 ở thôn H, xã K, thành phố H; Phạm Văn N sau khi mua 07 viên nén ma túy "Hồng phiến" đã chuẩn bị một bộ dụng cụ để sử dụng chất ma túy; Nguyễn Tá L1 chuẩn bị bật lửa gas, 01 đèn chiếu sáng tích điện và dùng địa điểm tại bàn uống nước trong nhà ở của L1 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong lúc đang sử dụng thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 05 viên nén ma túy với tổng khối lượng là 0,4920g ma túy, loại Methamphetamine.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3]Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Phạm Văn N là người chủ động mua ma túy và chuẩn bị công cụ để tổ chức sử dụng nên giữ vai trò là người khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực nhất; bị cáo Nguyễn Tá L1 là người thực hành thứ yếu.

Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa

phương, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác do nghiện ma túy gây ra nên cần phải xử phạt nghiêm minh.

[4]Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1]Bị cáo Nguyễn Văn N2 đã bị kết án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2]Bị cáo Nguyễn Tá L1 không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2]Đối với bị cáo Nguyễn Tá L1 là người khuyết tật nặng về mắt. Ngoài ra bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Hoài C cũng là người khuyết tật nặng về mắt và gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]Về nhân thân: Đối với bị cáo Phạm Văn N có 01 tiền án nêu trên; bị cáo Nguyễn Tá L1 không có tiền án, tiền sự; năm 2023, bị công an huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền do đã có hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

[7]Trên cơ sở tính chất hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét cần áp dụng mức hình phạt tù đối với hai bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Tá L1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo là đồng phạm thứ yếu; là người khuyết tật nặng về mắt và có vợ cũng là người khuyết tật nặng về mắt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên xem xét áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi cũng như điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

[8]Về hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử xử phạt tù đối với các bị cáo là đã thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án, bị cáo Phạm Văn N lúc đầu khai mua của đối tượng tên "Tý" ở thôn L, xã H. Sau đó khai mua của Nguyễn Công B. Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ điều tra nhưng không có cơ sở xác định Nguyễn Công B là người bán ma túy cho N như lời Phạm Văn N đã khai. Qua tranh tụng

tại phiên tòa, không phát sinh tình tiết, tài liệu, chứng cứ gì mới để xác định B là người bán ma túy như lời khai của Phạm Văn N.

Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án để xử lý theo quy định pháp luật.

[10]Đối với số ma túy đã thu giữ, quá trình điều tra xác định bị cáo Phạm Văn N đã bỏ ra toàn bộ số ma túy mà mình mua (07 viên ma túy loại "Hồng phiến") tại khu vực bàn uống nước để cùng với bị cáo Nguyễn Tá L1 sử dụng và mục đích sẽ sử dụng hết số ma túy nêu trên. Trong lúc các bị cáo đang sử dụng chất ma túy thì bị cơ quan Công an bắt quả tang nên không xem xét hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với bị cáo Phạm Văn N.

[11]Trong quá trình tổ chức sử dụng chất ma túy, bị cáo Phạm Văn N liên hệ qua mạng xã hội Zalo với đối tượng có tên "Ku Nhí" với nội dung liên quan việc sử dụng ma túy. Tuy nhiên, đối tượng này chưa tham gia sử dụng ma túy và chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra cần tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

[12]Quá trình điều tra vụ án xác định anh Nguyễn Tá D (anh ruột của Nguyễn Tá L1 cho vợ chồng L1 mượn nhà ở nhờ) và những người cùng sinh sống với bị cáo Nguyễn Tá L1 không biết bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình nên không có căn cứ để xử lý.

[13]Về xử lý vật chứng:

[13.1]Đối với 0,3420gam mẫu bột được nghiền từ 05 viên nén có hình trụ tròn màu đỏ còn lại sau giám định thuộc danh mục chất gây nghiện, Nhà nước cấm sử dụng, lưu hành, mua bán nên cần tịch thu tiêu hủy cùng với các vật dụng bao gói, niêm phong.

[13.2]Đối với: 01 chai nhựa; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu trắng trong; 01 mảnh giấy bạc; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Saigon là vật dụng các bị cáo sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng; 01 chiếc quần Jean màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn N) và 01 mũ bảo hiểm xốp dành cho người đi xe đạp (thu giữ của Nguyễn Công B) nhưng đều không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13.3]Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 01 cục sạc dự phòng tích hợp đèn chiếu sáng có dòng chữ FAST CHARGE 120W 2000mAh; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 352021090934414 bên trong có gắn thẻ sim số 0942712749 của bị cáo Phạm Văn N là vật dụng các bị cáo sử dụng cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[13.4]Đối với 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng, số seri: CI 21985492; 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng, số seri: RT 20855861 thu giữ của Phạm Văn N, không có cơ sở xác định liên quan hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Phạm Văn N nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[13.5]Đối với các điện thoại gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, số Imei: 352064329892103 bên trong có gắn thẻ sim số 0888259559 thu giữ của bị cáo Nguyễn Tá L1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A92, số Imei 1: 862251056972470; số Imei 2: 862251056972462 của Nguyễn Công B. Quá trình điều tra đã trích xuất toàn bộ dữ liệu liên quan trong các điện thoại nêu trên để điều tra (dữ liệu đã được lưu trữ trong hồ sơ vụ án) nhưng không có căn cứ xác định liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại các điện thoại này cho bị cáo L1 và Nguyễn Công B.

[13.6]Đối với 01 thẻ nhớ SanDisk Ultra 64GB micro SDXC 1 của bị cáo Nguyễn Tá L1 chứa đựng các video liên quan quá trình điều tra, cần phải chuyển lại cho Tòa án để lưu theo hồ sơ vụ án.

[14]Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 (tức G) phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (30/7/2025).

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tá L1: 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (07/8/2025).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

3.1. Tịch thu tiêu hủy đối với: 0,3420 gam mẫu bột (được nghiền từ 05 viên nén có hình trụ tròn màu đỏ còn lại sau giám định) cùng với các vật dụng bao gói, niêm phong; 01 chai nhựa; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu trắng trong; 01 mảnh giấy bạc; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Saigon; 01 túi ni lông trong suốt; 01 chiếc quần Jean màu đen đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm xốp.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 01 cục sạc dự phòng tích hợp đèn chiếu sáng có dòng chữ FAST CHARGE 120W 2000mAh; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 352021090934414 bên trong có gắn thẻ sim số 0942712749.

3.3. Trả lại 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng cho bị cáo Phạm Văn N nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án về án phí.

3.4. Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, số Imei: 352064329892103 bên trong có gắn thẻ sim số 0888259559 cho bị cáo Nguyễn Tá L1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A92, số Imei 1: 862251056972470, số Imei 2: 862251056972462 cho ông Nguyễn Công B.

3.5. Chuyển trả 01 thẻ nhớ SanDisk Ultra 64GB micro SDXC 1 cho Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế để lưu theo hồ sơ vụ án.

(Các vật chứng nêu trên đang do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Giấy nộp tiền ngày 11/3/2026).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử buộc các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Tá L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng HSNV-PV06 CA TP Huế;
- Phân trại tạm giam Phú Lộc;
- Cơ quan THAHS-PC10 CA TP Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Xuân Cầm